

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2025

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân.

2. Ông Đinh Ngọc Đình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim A, sinh ngày 09/11/1989.

Địa chỉ: Số 63 ấp 3, xã Z, huyện V, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Phạm Tuyến B, sinh ngày 06/7/1990.

Địa chỉ: Số 201/4 ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

(Bà A và ông B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kim A trình bày: Bà và ông Phạm Tuyến B do tìm hiểu và quen biết với nhau hai bên có tình cảm nên ngày 18/02/2020 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng không có con chung, không có nợ chung và không có tài sản chung. Đến khoản thời gian đầu năm 2024 đến nay giữa bà và ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau dù đã hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà và ông B hiện tại cả hai đều không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tình trạng hôn nhân giữa bà và

ông B đi vào bế tắc không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Tuyền Duy đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt và không thể hiện ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản tự khai, căn cước công dân, phiếu đề nghị xác minh tình trạng nơi cư trú, đơn xin ly hôn và các tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà Võ Thị Kim A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Tuyền B nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2] Ông Phạm Tuyền B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; đồng thời bà A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông B, bà A.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2020 ngày 18/02/2020 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Long An thì bà Võ Thị Kim A và ông Phạm Tuyền B là vợ chồng hợp pháp.

[3.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau dù đã hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; hiện tại không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau; tình trạng hôn nhân rơi vào bế tắc không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định để tổng đạt các văn bản tố tụng và thông báo cho ông B biết về yêu cầu ly hôn của bà A. Tuy nhiên, ông B không đến Tòa án làm việc, hòa giải, không thể hiện ý kiến về các vấn đề liên quan đến vụ án ly hôn. Điều này chứng tỏ ông B không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà A; từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở đánh giá, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B đã *"... lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* theo quy định

tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

[3.3] Về con chung: Bà Võ Thị Kim A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về cấp dưỡng: Không ai đưa ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.5] Về tài sản chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.6] Về nợ chung: Bà A trình bày là không có; đồng thời không có người yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ đó thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Võ Thị Kim A phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim A.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim A được ly hôn với ông Phạm Tuyên B.

[2] Về con chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Võ Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng mà bà A đã tạm nộp theo biên lai thu số 0010567 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Long An.

[7] Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Y, tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Y, tỉnh Long An;
- UBND xã X, huyện Y, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cảnh